TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2024/DS-ST
Ngày 25-11-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phương Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa*: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 535/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam; địa chỉ trụ sở: Số C phố T, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Mạnh H. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B.

- Ông Đinh Trần Vũ Lê . Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B.

Địa chỉ liên hệ: Số C Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản (giấy) uỷ quyền số 62/GUQ-SGB, ngày 11/3/2024). Có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm: 1988; địa chỉ thường trú: Tổ B, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Tổ F, ấp A, xã (nay là phường) A,

thành phố B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Hoài T, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Tổ F, ấp A, xã (nay là phường) A, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số B P, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị T1. Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B.

- Ông Nguyễn Thanh D1. Chức vụ: Nhân viên kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B.

Địa chỉ liên hệ: Số C Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản (giấy) uỷ quyền số 61/GUQ-SGB, ngày 11/3/2024). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/7/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B và ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T đã ký Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN. Theo đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B đồng ý cho ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T vay số tiền: 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng); Thời hạn vay: 120 tháng; Mục đích vay: Thanh toán chi phí nhận chuyển nhượng QSDĐ; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 11,6%/năm; Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; Biên độ lãi suất 4%/năm. Lãi suất quá hạn:150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 08/7/2020, ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T ký Giấy nhận nợ số 47/01-2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B đã giải ngân cho bên vay số tiền: 3.785.000.000 đồng.

Ngày 15/7/2020, ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T ký Giấy nhận nợ số 47/02-2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B đã giải ngân cho bên vay số tiền: 3.215.000.000 đồng.

Tổng số tiền Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B đã giải ngân cho bên vay qua hai lần giải ngân là 7.000.000.000 đồng, bằng số tiền cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN, ngày 07/7/2020 mà Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B đã ký kết với khách hàng.

Ngày 14/7/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B và ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T đã ký Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47A/2020/HĐTDBS-CN; Ngày 24/12/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B và ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T đã ký Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47B/2020/HĐTDBS-CN.

Ngày 15/7/2020, ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T đã ký phụ kiện nhận nợ và trả nợ số 47/PK-NNTN/2020; Ngày 15/10/2021, ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T đã ký phụ kiện nhận nợ và trả nợ sửa đổi, bổ sung số 47A/PK-NNTN/2020 và Giấy nhận nợ sửa đổi, bổ sung số 47A/01-2020; Giấy nhận nợ sửa đổi, bổ sung số 47A/02-2020.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên hiện đang thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S gồm:

- Quyền sử dụng 376m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 990, tờ bản đồ số 56, xã *(nay là thị trấn)* L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 745053, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09322 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2016, cập nhật biến động ngày 02/03/2020. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 50/HĐBĐ-2020, ngày 07/7/2020, được Văn phòng C, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 07/7/2020.

- Quyền sử dụng 150m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 2175, tờ bản đồ số 56, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 149628, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH16271 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/06/2019, cập nhật biến động ngày 22/12/2021. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 47/HĐBĐ-2021, ngày 24/12/2021, được Văn phòng C1, quyển số 12/2021/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 24/12/2021.

Ngày 18/12/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần S *(sau đây gọi tắt là Ngân hàng)* và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam đã thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán nợ số 1141/2023/MBN.VAMC-SGB để bán khoản nợ của ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T đã vay của Ngân hàng.

Tổng số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN ngày 07/07/2020 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47A/2020/HĐTDBS-CN ngày 14/07/2020 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47B/2020/HĐTDBS-CN ngày 24/12/2021 là: 7.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy tỷ đồng).*

Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng 376m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 990, tờ bản đồ số 56, xã *(nay là thị trấn)* L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 745053, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09322 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2016, cập nhật biến động ngày 02/03/2020.

- Quyền sử dụng 150m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 2175, tờ bản đồ số 56, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 149628, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH16271 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/06/2019, cập nhật biến động ngày 22/12/2021.

Số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN ngày 07/07/2020 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47A/2020/HĐTDBS-CN ngày 14/07/2020 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47B/2020/HĐTDBS-CN ngày 24/12/2021, tính đến ngày 22/03/2024 như sau:

– Nợ gốc: 5.170.500.000 đồng *(Năm tỷ một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng).*

– Nợ lãi và các khoản phạt do chậm trả lãi: 785.946.603 đồng *(Bảy trăm tám mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ ba đồng)*.

Sau khi vay vốn, ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T thanh toán nợ gốc và lãi vay không đúng theo quy định trong hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông D, bà T thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Từ tháng 02/2023 đến nay ông D, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Trước khi khoản nợ của ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T được bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở thông qua các Thông báo nợ quá hạn, T2 mời làm việc và Biên bản làm việc để yêu cầu ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T thực hiện đúng các cam kết trong việc trả nợ. Tuy nhiên, ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T vẫn không thực hiện được việc trả nợ vay. Ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Phụ kiện nhận nợ và trả nợ đã ký kết với ngân hàng. Vì vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam khởi kiện ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T để thu hồi nợ gốc và lãi.

Tại đơn khởi kiện, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T phải trả ngay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền (tạm tính đến ngày 22/03/2024) như sau:

– Tiền nợ gốc: 5.170.500.000 đồng *(Năm tỷ một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng).*

– Tiền lãi vay, lãi phạt *(tạm tính đến ngày 22/03/2024)*: 785.946.603 đồng *(Bảy trăm tám mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ ba đồng)*.

Tổng cộng: 5.956.446.603 đồng và tiếp tục trả các khoản lãi, phạt chậm trả, chi phí phát sinh khác kể từ ngày 22/03/2024 đến khi trả hết nợ theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng.

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Trong trường hợp ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, yêu cầu phát mãi 02 tài sản bảo đảm đã thế chấp là:

- Quyền sử dụng 376m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 990, tờ bản đồ số 56, xã *(nay là thị trấn)* L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 745053, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09322 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2016, cập nhật biến động ngày 02/03/2020. Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 50/HĐBĐ-2020 ngày 07 tháng 07 năm 2020 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay của ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T.

- Quyền sử dụng 150m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 2175, tờ bản đồ số 56, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 149628, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH16271 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/06/2019, cập nhật biến động ngày 22/12/2021. Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/HĐBĐ-2021 ngày 24 tháng 12 năm 2021 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay của ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T.

3. Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo mà không đủ thanh toán số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí Tòa án, chi phí phát mãi tài sản thì ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; CCCD của ông Nguyễn Mạnh H (bản sao); giấy uỷ quyền ngày 11/3/2024 (bản chính); điều lệ (bản photo); hợp đồng uỷ quyền số 1142/2023/UQ.VAMC.SGB ngày 18/12/2023; hợp đồng mua, bán nợ số 1141/2023/MBN.VAMC-SGB, ngày 18/12/2023 và phụ lục 01, 02 (bản sao); hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN ngày 07/7/2020; hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47A/2020/HĐTDBS-CN, ngày 14/7/2020; hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47B/2020/HĐTDBS-CN, ngày 24/12/2021; giấy nhận nợ số 47/01-2020 ngày 08/7/2020; giấy nhận nợ số 47/02-2020 ngày 15/7/2020; phụ kiện nhận nợ và trả nợ số 47/PK-NNTN/2020 ngày 15/7/2020; phụ kiện nhận nợ và trả nợ sửa đổi bổ sung số 47A/PK-NNTN/2020 ngày 15/10/2021; giấy nhận nợ sửa đổi bổ sung số 47A/01-2020 ngày 15/10/2021; giấy nhận nợ sửa đổi bổ sung số 47A/02-2020 ngày 15/10/2021(bản sao); hợp đồng thế chấp tài sản số 50/HĐBĐ-2020 ngày 07/7/2020; hợp đồng thế chấp tài sản số 47/HĐBĐ-2021 ngày 24/12/2021(bản sao); phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp QSDĐ, tài sản gắn liền với đất ngày 07/7/2020; phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp QSDĐ, tài sản gắn liền với đất ngày 24/12/2021 (bản sao); giấy chứng nhận QSDĐ số CQ 149628; giấy chứng nhận QSDĐ số CĐ745053 (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T (bản photo); thông báo thanh toán nợ; thông báo nợ quá hạn lần 1,2,3,4,5; thông báo lịch làm việc ngày 21/4/2023; biên bản làm việc (bản photo); bảng tính lãi suất (bản chính).

2. Bị đơn ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T không giao nộp tài liệu chứng

cứ.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Thống nhất như ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền nợ gốc, thay đổi yêu cầu đối với khoản nợ lãi. Cụ thể:

+ Buộc ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền nợ tính đến ngày 25/11/2024 là 6.458.412.592 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 5.170.500.000 đồng; Nợ lãi: 1.287.912.592 đồng.

+ Buộc ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam các khoản lãi, phạt chậm trả, chi phí phát sinh khác kể từ ngày 26/11/2024 đến khi trả hết nợ theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng.

+ Trong trường hợp ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, yêu cầu phát mãi 02 tài sản bảo đảm đã thế chấp là:

* Quyền sử dụng 376m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 990, tờ bản đồ số 56, xã *(nay là thị trấn)* L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 745053, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09322 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2016, cập nhật biến động ngày 02/03/2020. Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 50/HĐBĐ-2020 ngày 07 tháng 07 năm 2020 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay của ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T.

* Quyền sử dụng 150m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 2175, tờ bản đồ số 56, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 149628, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH16271 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/06/2019, cập nhật biến động ngày 22/12/2021. Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/HĐBĐ-2021 ngày 24 tháng 12 năm 2021 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay của ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T.

+ Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo mà không đủ thanh toán số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí Tòa án, chi phí phát mãi tài sản thì ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

- Bị đơn ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 27 tháng 3 năm 2024, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T phải trả số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1.2]. Về thẩm quyền: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo thoả thuận tại Điều 12 của Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN, ngày 07/7/2020 *"Nếu có tranh chấp ...thì các bên có quyền yêu cầu Toà án nơi có trụ sở của Ngân hàng TMCP S nơi cho vay (Hội sở hoặc chi nhánh) giải quyết".* Thoả thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN, ngày 07/7/2020 phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[1.4]. Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất, cụ thể: Yêu cầu ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T có trách nhiệm trả cho

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tính đến ngày 25/11/2024 là 6.458.412.592 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 5.170.500.000 đồng; Nợ lãi: 1.287.912.592 đồng. Ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam các khoản lãi, phạt chậm trả, chi phí phát sinh khác kể từ ngày 26/11/2024 đến khi trả hết nợ theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với hợp đồng tín dụng:

- Ngày 07/7/2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B và ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T đã ký Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN. Theo đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B đồng ý cho ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T vay số tiền: 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng); Thời hạn vay: 120 tháng; Mục đích vay: Thanh toán chi phí nhận chuyển nhượng QSDĐ; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là 11,6%/năm; Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần; Biên độ lãi suất 4%/năm. Lãi suất quá hạn:150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 08/7/2020, ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T ký Giấy nhận nợ số 47/01-2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B đã giải ngân cho bên vay số tiền: 3.785.000.000 đồng.

Ngày 15/7/2020, ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T ký Giấy nhận nợ số 47/02-2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B đã giải ngân cho bên vay số tiền: 3.215.000.000 đồng.

Tổng số tiền Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B đã giải ngân cho bên vay qua hai lần giải ngân là 7.000.000.000 đồng, bằng số tiền cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN, ngày 07/7/2020 mà Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B đã ký kết với khách hàng.

Ngày 14/7/2020, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B và ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T đã ký Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47A/2020/HĐTDBS-CN; Ngày 24/12/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B và ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T đã ký Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47B/2020/HĐTDBS-CN.

Ngày 15/7/2020, ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T đã ký phụ kiện nhận nợ và trả nợ số 47/PK-NNTN/2020; Ngày 15/10/2021, ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T đã ký phụ kiện nhận nợ và trả nợ sửa đổi, bổ sung số 47A/PK-NNTN/2020 và Giấy

nhận nợ sửa đổi, bổ sung số 47A/01-2020; Giấy nhận nợ sửa đổi, bổ sung số 47A/02-2020.

Xét thấy, các thỏa thuận của đương sự trong hợp đồng tín dụng; hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung; phụ kiện nhận nợ và trả nợ; giấy nhận nợ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng đã ký kết. Do đó, hợp đồng phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Ngày 18/12/2023, Ngân hàng Thương mại cổ phần S và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam đã thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán nợ số 1141/2023/MBN.VAMC-SGB để bán khoản nợ của ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T đã vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Vì vậy, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam trở thành chủ sở hữu đối với khoản nợ của ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T theo hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN ngày 07/7/2020.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T đã vi phạm thời hạn trả nợ, các khoản tiền vay đã quá thời hạn trả nợ. Do ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam có đơn khởi kiện. Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T nhưng ông D và bà T không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến, phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh B đã thực hiện việc giải ngân số tiền vay cho ông Nguyễn Tuấn D, bà Nguyễn Hoài T số tiền vay theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông D và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam yêu cầu ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 25/11/2024, tổng cộng là 6.458.412.592 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 5.170.500.000 đồng; Nợ lãi: 1.287.912.592 đồng. Tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.2]. Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay của ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T đối với Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN, ngày 07/7/2020. Khi ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần S, ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với:

* Quyền sử dụng 376m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 990, tờ bản đồ số 56, xã *(nay là thị trấn)* L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 745053, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09322 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2016, cập nhật biến động ngày 02/03/2020. Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 50/HĐBĐ-2020 ngày 07 tháng 07 năm 2020.

* Quyền sử dụng 150m^2 đất tọa lạc tại thửa đất số 2175, tờ bản đồ số 56, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 149628, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH16271 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/06/2019, cập nhật biến động ngày 22/12/2021. Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/HĐBĐ-2021 ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được các bên tự nguyện ký kết, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 299, 303, 317, 318, 319 và 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP, ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, nên phát sinh hiệu lực. Trường hợp, ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để thu hồi nợ.

Trong trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thu hồi nợ thì ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T phải tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hết nợ.

[2.3]. Trường hợp ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T trả hết toàn bộ khoản nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam mà không qua xử lý tài sản thế chấp thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 745053, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09322 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2016, cập nhật biến động ngày 02/03/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 149628, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH16271 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/06/2019, cập nhật biến động ngày 22/12/2021.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận, tương đương án phí là 114.458.413 đồng (một trăm mười bốn triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm mười ba đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 40, các điều 147, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.1 Buộc ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền nợ vay tính đến ngày 25/11/2024 là 6.458.412.592 đồng (sáu tỷ bốn trăm năm mươi tám triệu bốn trăm mươi hai nghìn năm trăm chín mươi hai đồng). Trong đó gồm: Nợ gốc: 5.170.500.000 đồng (năm tỷ một trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng); Nợ lãi: 1.287.912.592 đồng (một tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm chín mươi hai đồng).

Ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 26/11/2024 trở đi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 47/2020/HĐTDTL-CN, ngày 07/7/2020; Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47A/2020/HĐTDBS-CN, ngày 14/7/2020; Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 47B/2020/HĐTDBS-CN, ngày 24/12/2021.

1.2. Trường hợp, ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 990, tờ bản đồ số 56, xã *(nay là thị trấn)* L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 745053, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09322 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2016, cập nhật biến động ngày 02/03/2020 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 50/HĐBĐ-2020 ngày 07 tháng 07 năm 2020.

* Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 2175, tờ bản đồ số 56, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 149628, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH16271 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/06/2019, cập nhật biến động ngày 22/12/2021 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/HĐBĐ-2021 ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Trong trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thu hồi nợ, ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T phải tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hết nợ.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T trả hết toàn bộ khoản nợ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam mà không qua xử lý tài sản thế chấp thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 745053, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS09322 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 29/11/2016, cập nhật biến động ngày 02/03/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 149628, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH16271 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/06/2019, cập nhật biến động ngày 22/12/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hoài T phải chịu án phí là 114.458.413 đồng (một trăm mười bốn triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm mười ba đồng).

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền 56.978.000 đồng (năm mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0004602, ngày 21/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh N